TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **47**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 03/4/2023
Về việc: "*Ly hôn và nuôi con*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Phong.

Bà Đào Thị Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Long Hồ - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 526/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Ph, sinh năm 1992 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã Ph, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Chị Phụng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 21/3/2023.

- *Bị đơn:* Anh D, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã Ph, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Anh D hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bến Tre. Anh D có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn ngày 30/9/2022, bản tự khai ngày 05/12/2022 và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 21/3/2023, nguyên đơn chị Ph trình bày như sau:*

Chị và anh D quen biết nhau, tiến tới hôn nhân trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện B, tỉnh Bến Tre vào ngày 01/11/2014. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, đến tháng 02/2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải vả, anh Phương không chăm lo cho gia đình và có hành vi xâm hại con gái riêng của chị. Nay, thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh D.

- Về con chung: Có 02 con chung tên A, sinh ngày 27/6/2015, Ng, sinh ngày 06/02/2019. Hiện đang sống với chị Phụng, khi ly hôn chị Phụng yêu cầu nuôi 02 con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Không có.

** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 21/3/2023, anh D ý kiến như sau:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất ý kiến với chị Phụng, do tình cảm không còn nữa nên anh đồng ý ly hôn với chị Phụng.

- Về nuôi con chung: Khi ly hôn anh đồng ý để chị Phụng nuôi 02 con chung tên A, sinh ngày 27/6/2015, Ng, sinh ngày 06/02/2019 và không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Đối với Thẩm phán có chấp hành tốt theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định. Đối với những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn có chấp hành tốt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt là vi phạm nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 116, 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-HĐTP quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ph đối với anh D. Cho chị Ph được ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị Ph được nuôi 02 con chung tên A, sinh ngày 27/6/2015, Ng, sinh ngày 06/02/2019 và sự thỏa thuận này phù hợp với nguyện vọng Quỳnh Anh. Ghi nhận sự tự nguyện chị Ph không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn cùng yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ph và anh D cưới nhau trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện B, tỉnh Bến Tre vào ngày 01/11/2014 theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị Ph và anh D được công nhận là hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc đến tháng 02/2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm, anh chị đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành và anh Phương có hành vi xâm hại con riêng của chị Phụng nên tình cảm vợ chồng không còn nữa. Quan hệ hôn nhân giữa chị Phụng và anh Phương đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị Ph yêu cầu ly hôn với anh D là có căn cứ, phù hợp với Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên HĐXX chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Chị Ph, anh D khai có 02 con chung tên A, sinh ngày 27/6/2015, Ng, sinh ngày 06/02/2019. Xét thấy: Từ khi ly thân đến nay con chung đều sống chung với chị Phụng, việc chị Phụng nuôi con chung vẫn phát triển bình thường, để nhằm ổn định về tinh thần, quyền lợi về mọi mặt của con chung nên để chị Ph nuôi con chung là phù hợp với nguyện vọng của cháu A và quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên yêu cầu của chị Phụng được HĐXX chấp nhận nhận và ghi nhận chị Ph không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung; nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xét đến.

[6] Lời đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với quy định pháp luật và nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-HĐTP quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Ph phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-HĐTP quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Ph ly hôn anh D. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 32, ngày 01/11/2014 của Ủy ban nhân dân xã Phú Vang, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre chấm dứt kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung: Chị Ph được nuôi 02 con chung tên A, sinh ngày 27/6/2015, Ng, sinh ngày 06/02/2019. Ghi nhận sự tự nguyện chị Ph không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Anh D có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Ph phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng được khấu trừ vào biên lai thu số 0010240 ngày 28/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- UBND xã Ph;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Phong **Đào Thị Tuyết Mai** **Nguyễn Thanh Tùng**